

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC
KHOÁNG KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét độc lập giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nước khoáng Khánh Hòa theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200283916, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 783 359
- Fax : 0258 783 572

Công ty có chi nhánh là Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa – Chi nhánh Miền Bắc đặt tại địa chỉ TT2-35 khu đô thị mới Đại Kim, ngõ 66 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đồ uống không cồn, sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017
Bà Trịnh Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Bích Đào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Bà Lê Hồng Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nhật Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2021
Ông Trần Văn Phú	Phó Giám đốc điều hành sản xuất	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Vi Võ Hiệp	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Nhật Hoàng - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Nhật Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2022

198
HI N
: ON
INH
TOÁN
▲
AI
ĐA

Số:2.0491/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

15-0
HÀN
G T
M H
VÀ T
& C
IA N
- T

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 26 tháng 7 năm 2021 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vào ngày 27 tháng 01 năm 2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Lê Văn Khoa****Phó Giám đốc***Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.520.293.299	209.839.512.902
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.374.993.427	11.531.273.057
1. Tiền	111		14.374.993.427	11.531.273.057
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		78.000.000.000	137.434.950.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	75.434.950.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	78.000.000.000	62.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.230.853.923	42.349.964.455
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	71.340.135.953	35.936.186.348
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.808.096.721	5.158.905.478
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.000.913.071	4.091.453.210
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.918.291.822)	(2.836.580.581)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.327.988.874	17.747.258.017
1. Hàng tồn kho	141	V.7	18.327.988.874	17.747.258.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		586.457.075	776.067.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	582.386.062	776.067.373
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	4.071.013	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.557.163.694	105.557.402.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.493.690.618	20.078.988.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	15.834.672.665	19.288.167.373
- Nguyên giá	222		133.608.256.680	132.206.204.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.773.584.015)	(112.918.037.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	659.017.953	790.821.543
- Nguyên giá	228		1.581.643.083	1.581.643.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(922.625.130)	(790.821.540)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.422.769.885	1.342.172.761
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.422.769.885	1.342.172.761
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.060.031.250	66.060.031.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	66.060.031.250	66.060.031.250
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.580.671.941	18.076.209.434
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16.580.671.941	18.076.209.434
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.077.456.993	315.396.915.263

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		96.410.661.868	123.208.285.960
I. Nợ ngắn hạn	310		86.079.249.324	112.887.733.416
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	20.899.483.476	41.775.499.700
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.045.681.160	1.001.563.783
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.074.268.605	4.670.803.475
4. Phải trả người lao động	314	V.15	8.061.139.485	6.283.981.206
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.392.032.045	6.135.050.988
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	10.016.093.353	10.065.252.507
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	34.589.770.506	42.954.801.063
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		780.694	780.694
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.331.412.544	10.320.552.544
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	10.331.412.544	10.320.552.544
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

98
 II N
 ỒN
 NHÌ
 OÁN
 ▲ ↓
 VI F
 ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.666.795.125	192.188.629.303
I. Vốn chủ sở hữu	410		192.666.795.125	192.188.629.303
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	124.999.880.000	124.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.999.880.000	124.999.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	(538.200)	(538.200)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	13.107.165.852	13.107.165.852
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	54.560.287.473	54.082.121.651
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		54.082.121.651	40.725.654.566
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		478.165.822	13.356.467.085
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.077.456.993	315.396.915.263



Võ Công Thòa
Người lập



Vi Võ Hiệp
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2022

Nguyễn Nhật Hoàng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	135.376.624.402	146.099.329.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.932.854.850	5.607.941.351
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.443.769.552	140.491.388.453
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	82.467.714.646	82.435.015.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.976.054.906	58.056.373.138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.820.432.225	1.501.513.095
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.172.350.038	1.029.093.614
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.171.937.038	1.027.570.018
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	42.846.700.276	45.552.651.831
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.949.916.972	13.347.439.821
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(172.480.155)	(371.299.033)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	879.686.620	1.079.900.952
12. Chi phí khác	32	VI.9	109.499.188	515.216.362
13. Lợi nhuận khác	40		770.187.432	564.684.590
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		597.707.277	193.385.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	119.541.455	38.677.111
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>478.165.822</u>	<u>154.708.446</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>38</u>	<u>13</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>38</u>	<u>13</u>

Võ Công Thòa
Người lậpVi Võ Hiệp
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2022

Nguyễn Nhật Hoàng
Tổng Giám đốc202
NH
Y
C
TU
101
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		597.707.277	193.385.557
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	5.099.358.298	5.571.457.029
- Các khoản dự phòng	03	V.6	81.711.241	5.737.984.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.5; VI.4	(2.067.625.225)	(1.530.415.407)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.171.937.038	1.027.570.018
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.883.088.629	10.999.981.197
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(35.907.654.067)	(3.765.949.451)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(580.730.857)	(6.792.968.278)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.264.223.670)	(4.248.581.085)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	1.689.218.804	356.995.250
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	75.434.950.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(1.171.937.038)	(1.050.401.086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(3.287.911.320)	(784.646.621)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		273.260.000	98.580.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(62.996.830)	(44.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.005.063.651	(5.231.190.074)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(639.077.669)	(1.203.629.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(16.000.000.000)	(52.750.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	24.502.400.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	1.842.764.945	101.735.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.796.312.724)	(9.319.493.140)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	81.018.330.281	66.813.749.699
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(89.383.360.838)	(59.617.214.828)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.365.030.557)	7.196.534.871
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.843.720.370	(7.354.148.343)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.531.273.057	18.596.245.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	14.374.993.427	11.242.097.241


Võ Công Thóa
Người lập


Vi Võ Hiệp
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2022


Nguyễn Nhật Hoàng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa – Chi nhánh Miền Bắc đặt tại địa chỉ TT2-35 khu đô thị mới Đại Kim, ngõ 66 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 524 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 521 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

315
NHÀ
JG
EM
V VÀ
& C
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh, chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu, chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh được Công ty đóng 02 năm một lần, chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu

Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu chưa được phân bổ do chưa bắt đầu khai thác.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

00
NH
HUU
TU
01
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp doanh thu đã được ghi nhận từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	302.212.044	166.199.219
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.072.781.383	11.365.073.838
Cộng	14.374.993.427	11.531.273.057

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	-	-	-	75.434.950.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	-	-	-	36.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	-	-	-	39.434.950.000	-	-
Cộng	-	-	-	75.434.950.000	-	-

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản đầu tư khác – Các bên liên quan	72.000.000.000	72.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	68.000.000.000	68.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	78.000.000.000	78.000.000.000	62.000.000.000	62.000.000.000

581
LI NI
ÔNG
NHIE
DANH
A &
LI H
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	66.060.031.250	-	66.060.031.250	-
Cộng	66.060.031.250	-	66.060.031.250	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901365666 thay đổi lần thứ mười hai ngày 26 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt 19,63% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 2.945.000 cổ phiếu, tương đương 19,63% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	23.759.441	29.690.320.085
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	15.800.832	7.977.869
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	5.207.383	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	2.751.226	19.285.432
Công ty Cổ phần FIT Consumer	-	29.663.056.784
Phải thu các khách hàng khác	71.316.376.512	6.245.866.263
Ông Trần Văn Đạt	39.747.100.000	-
Ông Trần Văn Phương	21.440.000.000	-
Các khách hàng khác	10.129.276.512	6.245.866.263
Cộng	71.340.135.953	35.936.186.348

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	1.184.040.000	1.184.040.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư T.P.G	900.000.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo - Tư vấn - Tổ chức biểu diễn Cát Tiên Sa	542.000.000	542.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Hoa Đà Lạt	540.000.000	-
Trần Thị Lan Anh	-	800.000.000
Công ty TNHH Chế tạo máy và Công nghệ Atech	-	670.716.200
Các nhà cung cấp khác	1.642.056.721	1.962.149.278
Cộng	4.808.096.721	5.158.905.478

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.161.781.187	-	1.797.786.661	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam - Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	1.972.608.582	-	1.733.578.441	-
Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản F.I.T - Lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	189.172.605	-	64.208.220	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.839.131.884	-	2.293.666.549	-
Tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	77.884.935	-	217.019.181	-
Tạm ứng	1.496.792.443	-	1.480.231.860	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	156.258.095	-	156.258.095	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	548.557	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	108.196.411	-	439.608.856	-
Cộng	4.000.913.071	-	4.091.453.210	-

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	3.177.053.196	399.323.263	(2.777.729.933)	3.220.716.834	524.698.142	(2.696.018.692)
Trạm Phương Cầu (CXL)	536.090.749	-	(536.090.749)	536.090.749	-	(536.090.749)
Các khách hàng khác	2.640.962.447	399.323.263	(2.241.639.184)	2.684.626.085	524.698.142	(2.159.927.943)
Các khoản phải thu khác khó có khả năng thu hồi	56.196.411	-	(56.196.411)	56.196.411	-	(56.196.411)
Lê Văn Trường	43.947.911	-	(43.947.911)	43.947.911	-	(43.947.911)
Nguyễn Tấn Quý	12.248.500	-	(12.248.500)	12.248.500	-	(12.248.500)
Các khoản trả trước cho người bán khó có khả năng thu hồi	84.365.478	-	(84.365.478)	84.365.478	-	(84.365.478)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền hình Đại Việt	45.000.000	-	(45.000.000)	45.000.000	-	(45.000.000)
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Anh Việt	11.880.000	-	(11.880.000)	11.880.000	-	(11.880.000)
Công ty TNHH Dịch vụ Địa chính Thiên Quốc	10.000.000	-	(10.000.000)	10.000.000	-	(10.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Dự phòng	Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Nha Trang Xanh	9.250.000	-	(9.250.000)	9.250.000	-	(9.250.000)
Trung tâm nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật	8.235.478	-	(8.235.478)	8.235.478	-	(8.235.478)
Cộng	3.317.615.085	399.323.263	(2.918.291.822)	3.361.278.723	524.698.142	(2.836.580.581)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.836.580.581	11.746.032.074
Trích lập dự phòng	81.711.241	5.737.984.000
Số cuối kỳ	2.918.291.822	17.484.016.074

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.759.567.673	-	10.867.100.763	-
Công cụ, dụng cụ	694.752.298	-	361.627.777	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.641.597.160	-	1.643.115.029	-
Thành phẩm	5.232.071.743	-	4.875.414.448	-
Cộng	18.327.988.874	-	17.747.258.017	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí tư vấn tìm đối tác đầu tư số tiền 1.636.363.636 VND liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và Công ty TNHH Kinh doanh thương mại TĐN Việt Nam về việc thực hiện dự án tại lô đất Vĩnh Hải (xem thuyết minh số V.17a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	371.875.910	285.431.937
Chi phí quảng cáo	107.631.365	462.578.255
Thuê văn phòng	25.000.000	20.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	77.878.787	8.057.181
Cộng	582.386.062	776.067.373

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Đảnh Thạnh	6.241.500.000	5.851.406.250
Chi phí cấp phép khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu	4.162.387.000	3.850.312.000
Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển	5.418.242.517	7.430.999.265
Chi phí sửa chữa	249.616.163	307.291.919
Chi phí thiết kế logo nhãn bao bì	237.966.663	302.866.664
Chi phí dữ liệu bán lẻ thị trường	208.333.335	333.333.336
Các chi phí trả trước dài hạn khác	62.626.263	-
Cộng	<u>16.580.671.941</u>	<u>18.076.209.434</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	31.906.033.304	91.377.925.647	7.547.531.001	1.374.714.488	132.206.204.440
Mua trong kỳ	-	1.014.060.000	-	-	1.014.060.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Thanh lý	-	-	-	(112.007.760)	(112.007.760)
Số cuối kỳ	<u>32.406.033.304</u>	<u>92.391.985.647</u>	<u>7.547.531.001</u>	<u>1.262.706.728</u>	<u>133.608.256.680</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	15.807.304.822	41.856.955.081	3.044.093.000	1.169.423.579	61.877.776.482
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	27.738.058.126	78.754.831.394	5.206.508.116	1.218.639.431	112.918.037.067
Khấu hao trong kỳ	1.214.837.704	3.425.344.070	299.577.779	27.795.155	4.967.554.708
Thanh lý	-	-	-	(112.007.760)	(112.007.760)
Số cuối kỳ	<u>28.952.895.830</u>	<u>82.180.175.464</u>	<u>5.506.085.895</u>	<u>1.134.426.826</u>	<u>117.773.584.015</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.167.975.178	12.623.094.253	2.341.022.885	156.075.057	19.288.167.373
Số cuối kỳ	<u>3.453.137.474</u>	<u>10.211.810.183</u>	<u>2.041.445.106</u>	<u>128.279.902</u>	<u>15.834.672.665</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.425.654.971 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện Diên Khánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	1.581.643.083	790.821.540	790.821.543
Khấu hao trong kỳ	-	131.803.590	
Số cuối kỳ	1.581.643.083	922.625.130	659.017.953

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	506.830.896	1.094.657.124	(1.014.060.000)	587.428.020
Xây dựng cơ bản dở dang	835.341.865	500.000.000	(500.000.000)	835.341.865
<i>Dự án Nhà máy Nước khoáng Suối Dầu⁽¹⁾</i>	<i>682.356.410</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>682.356.410</i>
<i>Giếng suối dầu</i>	<i>91.376.364</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>91.376.364</i>
<i>Dự án Chung cư Vĩnh Hải⁽²⁾</i>	<i>61.609.091</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>61.609.091</i>
<i>Kho chứa chai thủy tinh</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>	<i>(500.000.000)</i>	<i>-</i>
Cộng	1.342.172.761	1.594.657.124	(1.514.060.000)	1.422.769.885

(1) Là chi phí phát sinh liên quan đến khảo sát, đo đạc, thăm tra hồ sơ, xây dựng tường rào, nhà bảo vệ để khai thác mỏ nước khoáng Suối Dầu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng cơ quan chức năng thực hiện hoàn tất các thủ tục giải tỏa khu đất.

(2) Là chi phí khảo sát địa hình, khảo sát độ cao tính không phục vụ dự án xây dựng chung cư FIT Tower Nha Trang liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ký ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc thực hiện dự án tại lô đất Vĩnh Hải (xem thuyết minh số V.17a).

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	810.912.072	1.216.417.587
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	810.912.072	1.192.801.625
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	-	23.615.962
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.088.571.404	40.559.082.113
Ông Trần Văn Phương	-	29.434.950.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa - Nhà máy Nhựa số 2	9.466.664.231	1.994.117.510
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	2.903.775.000	2.056.162.500
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC - Ball Việt Nam	2.196.085.777	2.433.837.004
Các nhà cung cấp khác	5.522.046.396	4.640.015.099
Cộng	20.899.483.476	41.775.499.700

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lan Lạc	3.097.464.084	14.451.369
Các khách hàng khác	948.217.076	987.112.414
Cộng	4.045.681.160	1.001.563.783

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.077.293.291	-	3.959.940.729	4.348.941.270	688.292.750	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	24.033.520	24.033.520	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.287.911.320	-	119.541.455	3.287.911.320	119.541.455	-
Thuế thu nhập cá nhân	121.352.272	-	405.062.173	530.485.458	-	4.071.013
Thuế tài nguyên	167.466.700	-	1.051.073.800	974.522.100	244.018.400	-
Tiền thuê đất	-	-	208.160.950	208.160.950	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.779.892	-	108.538.985	102.902.877	22.416.000	-
Cộng	4.670.803.475	-	5.880.351.612	9.480.957.495	1.074.268.605	4.071.013

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất từ ngày 01/02/2022 là 8%, trước đó là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	597.707.277	193.385.557
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	597.707.277	193.385.557
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	119.541.455	38.677.111

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²)</u>
- Thửa đất tiếp giáp Hương lộ 62, xã Diên Tân, đoạn từ giáp ranh xã Diên Thọ đến giáp ranh nhà bà Phan Thị Đây	101.317 223.948	1.521 608
- Thửa đất tiếp giáp đường 23/10, đoạn từ bệnh viện Diên Khánh đến Ngã ba Cái lộ tuyến, thị trấn Diên Khánh	132	55.162
- Thửa đất tiếp giáp đường 23/10, đoạn từ Thống Nhất đến Chấn đường sắt: đường loại 2, vị trí 1, hệ số đường 0,75	233	270.000
- Thửa đất tiếp giáp đường 2/4, đoạn từ Mai Xuân Thưởng và Vĩnh Xương đến Ngã ba đi nghĩa trang Hòn Dung, đường loại 4, vị trí 1, hệ số đường 0,8		
<i>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022</i>	<i>1.072</i>	<i>12.775</i>
<i>Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 20/08/2022</i>	<i>1.072</i>	<i>14.691</i>
<i>Từ ngày 21/08/2022 đến ngày 31/12/2022</i>	<i>1.072</i>	<i>119.808</i>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Quy lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	3.647.802.177	1.983.792.242
Chi phí khuyến mãi	1.227.089.752	1.180.252.490
Chi phí chiết khấu thương mại	784.760.492	636.766.159
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.732.379.624	2.334.240.097
Cộng	7.392.032.045	6.135.050.988

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	62.243.171	64.869.331
Bảo hiểm xã hội	586.375.289	626.941.593
Bảo hiểm y tế	3.259.631	-
Bảo hiểm thất nghiệp	26.020.982	23.334.487
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	338.194.280	350.107.096
Cộng	10.016.093.353	10.065.252.507

(*) Là khoản tiền nhận được từ Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam (giá trị theo hợp đồng là 9.000.000.000 VND) theo hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/HTĐT/2018 ngày 09/5/2018 giữa Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa và Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại TĐN Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án chung cư F.I.T Tower Nha Trang trên lô đất tại số 28 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lô đất này là lô đất Công ty được Nhà nước cho thuê dài hạn (trả tiền hàng năm) theo hợp đồng thuê đất số 33/2002/HĐ-TĐ ngày 16/9/2012 với thời hạn thuê 20 năm cho mục đích xây dựng cửa hàng bán nước khoáng. Theo quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt chủ trương thay đổi mục đích sử dụng đất của Công ty thành xây dựng chung cư F.I.T Tower Nha Trang. Đồng thời, theo nội dung của quyết định này, Công ty có trách nhiệm khởi công xây dựng trước ngày 31/10/2018 và hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trong 12 tháng kể từ ngày khởi công. Trường hợp Công ty không đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ thu hồi dự án, toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án sẽ không được bồi thường.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, sau khi ký hợp đồng hợp tác đầu tư, hai bên vẫn tiếp tục làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy phép đầu tư mới và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho dự án. Do cả hai bên vẫn chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo hợp đồng nên các chi phí liên quan đến dự án này vẫn được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (xem thuyết minh số 7) và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thuyết minh số 11).

17b. Phải trả dài hạn khác

Số dư là tiền ký quỹ, ký cược bảo bì dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh ⁽ⁱ⁾	19.475.866.259	15.998.285.345
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	15.113.904.247	19.966.290.597
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	6.990.225.121
Cộng	<u>34.589.770.506</u>	<u>42.954.801.063</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Diên Khánh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 4703-LAV-202201003 ngày 26 tháng 5 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nước khoáng. Thời hạn vay và lãi suất tiền vay được xác định trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2022/HMTD-VIKODA ngày 16 tháng 5 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương xuyên của khách hàng. Thời hạn vay và lãi suất tiền vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.954.801.063	32.246.031.294
Số tiền vay phát sinh	81.018.330.281	66.813.749.699
Số tiền vay đã trả	(89.383.360.838)	(59.617.214.828)
Số cuối kỳ	34.589.770.506	39.442.566.165

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	119.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	40.658.635.527	173.765.143.179
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	154.708.446	154.708.446
Số dư cuối kỳ trước	119.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	40.813.343.973	173.919.851.625
Số dư đầu năm nay	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	54.082.121.651	192.188.629.303
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	478.165.822	478.165.822
Số dư cuối kỳ này	124.999.880.000	(538.200)	13.107.165.852	54.560.287.473	192.666.795.125

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 124.999.880.000 VND, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần FIT Consumer	119.414.560.000	98.559.460.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	2.871.000.000	6.994.000.000
Các cổ đông khác	2.714.320.000	19.446.420.000
Cộng	124.999.880.000	124.999.880.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.499.988	12.499.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.499.988	12.499.988
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.499.988	12.499.988

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu bán thành phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Doanh thu bán thành phẩm	11.498.280	1.208.457.202
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây		
Doanh thu bán thành phẩm	102.805.780	67.638.528
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long		
Doanh thu bán thành phẩm	21.811.200	13.089.600

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	4.800.219.867	4.585.030.577
Hàng bán bị trả lại	132.634.983	1.022.910.774
Cộng	4.932.854.850	5.607.941.351

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	141.630.699	84.305.815
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.925.994.526	1.416.109.592
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.752.150.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	657.000	1.097.688
Cộng	3.820.432.225	1.501.513.095

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.171.937.038	1.027.570.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	413.000	1.523.596
Cộng	1.172.350.038	1.029.093.614

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.371.677.917	27.230.200.767
Chi phí vật liệu, bao bì	107.256.307	286.628.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.174.534	120.757.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.447.230.101	15.316.844.594
Các chi phí khác	4.854.361.417	2.598.220.961
Cộng	42.846.700.276	45.552.651.831

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.522.792.347	3.836.536.435
Chi phí vật liệu quản lý	97.012.468	90.804.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	477.132.062	510.691.896
Dự phòng phải thu khó đòi	81.711.241	5.737.984.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.965.009	401.180.211
Các chi phí khác	3.256.303.845	2.770.242.786
Cộng	7.949.916.972	13.347.439.821

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	30.000.000	30.000.000
Thu nhập bán phế liệu, phế phẩm	798.380.287	381.810.201
Thu nhập từ kiểm kê thừa thành phẩm	2.325.217	135.747.102
Thu nhập từ bồi thường	3.600.000	490.130.587
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	44.181.819	41.454.546
Thu nhập khác	1.199.297	758.516
Cộng	879.686.620	1.079.900.952

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán phế liệu, phế phẩm	37.171.190	18.611.654
Chi phí bồi thường	2.953.614	475.476.832
Các khoản chi phí khác	69.374.384	21.127.876
Cộng	109.499.188	515.216.362

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	478.165.822	154.708.446
Lợi nhuận tính lãi trên cổ phiếu	478.165.822	154.708.446
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.499.988	11.999.988
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	38	13

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.357.154.640	64.063.426.264
Chi phí nhân công	36.243.767.316	39.911.420.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.099.358.298	5.571.457.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.119.491.142	22.766.358.531
Chi phí dự phòng	81.711.241	5.737.984.000
Chi phí khác	8.742.111.023	6.056.698.696
Cộng	134.643.593.660	144.107.345.340

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát:

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị		66.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên	21.000.000	21.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên	21.000.000	21.000.000
Ban Tổng Giám đốc		1.007.422.000	1.372.943.000
Ông Nguyễn Nhật Hoàng	Tổng Giám đốc	454.553.800	684.800.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	255.388.800	418.375.000
Ông Trần Văn Phú	Phó Giám đốc điều hành sản xuất	175.782.200	269.768.000
Ông Vi Võ Hiệp	Kế toán trưởng	121.697.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ban Kiểm soát			
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng ban	45.000.000	45.000.000
Bà Lê Hồng Phượng	Thành viên	21.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Bà Ninh Thị Phương	Thành viên	12.000.000	4.000.000
Cộng		1.118.422.000	1.483.943.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần FIT Consumer
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC – Sài Gòn	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mũi Dinh Ecopark	Công ty có liên quan với thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty có liên quan với thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FIT Consumer		
Công ty thu tiền bán hàng	29.663.056.784	-
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ		
Chi phí thuê kho phải trả	20.000.000	-
Công ty trả tiền thuê kho	22.000.000	-

5-000
ẢNH
TY
HỮU
TƯ
C
NỘI
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Thôn Cây Sung, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí thuê văn phòng phải trả	253.272.030	253.272.030
Phí tư vấn phải trả	1.474.385.586	876.030.922
Công ty thu tiền bán hàng	28.999.187	27.493.818
Công ty thanh toán tiền thuê văn phòng, phí tư vấn	2.282.312.931	423.908.441
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long		
Công ty thu tiền bán hàng	15.876.749	458.548.560
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	1.801.030.141	832.547.947
Công ty chuyển tiền hợp tác đầu tư	16.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	124.964.385	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây		
Công ty thu tiền bán hàng	107.341.083	74.402.381
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Công ty thanh toán tiền mua hàng	23.615.962	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.5 và V.12.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2022


Võ Công Thỏa
Người lập


Vi Võ Hiệp
Kế toán trưởng


Nguyễn Nhật Hoàng
Tổng Giám đốc

